

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2015)
Bà Cao Thị Liên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2015)
Ông Ngô Kim Sơn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2015)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2015)
Ông Phan Đại Thành	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2015)
	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015)
Ông Phan Đại Thành	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015)
Ông Đinh Quang Hưng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2015)
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 





Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số: 474 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 01 tháng 10 năm 2015, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu so sánh của báo cáo tài chính (số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã ký ngày 17 tháng 3 năm 2015).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 09 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm khoản phải thu Siemens Aktiengesellschaft liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu mà Công ty phải nộp thay cho nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 là khoảng 80,9 tỷ VND (theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hà Nội) và cho giai đoạn từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 là khoảng 6,7 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng số thuế nêu trên sẽ được Siemens Aktiengesellschaft thanh toán lại cho Công ty theo điều khoản của hợp đồng đã ký giữa các bên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Công ty bao gồm khoảng 2.487 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.878 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2). Theo xác định của Công ty, giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp vật tư, thiết bị. Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tự thực hiện, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu và giá vốn liên quan đến dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thanh, thực chi mà Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.





Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.385.697.513.902	3.380.266.115.917
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	284.597.471.153	66.012.309.533
1. Tiền	111		244.597.471.153	13.863.536.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	52.148.772.817
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		467.475.894.713	210.775.759.323
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	369.919.676.679	204.854.519.679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.135.693.239	4.773.088.057
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	90.420.524.795	1.148.151.587
III. Hàng tồn kho	140	10	2.539.486.328.900	2.879.676.968.864
1. Hàng tồn kho	141		2.539.486.328.900	2.879.676.968.864
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.137.819.136	223.801.078.197
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.075.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	92.669.761.560	223.796.002.987
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.468.057.576	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.795.753.148	47.016.671.542
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		215.860.000	205.360.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	215.860.000	205.360.000
II. Tài sản cố định	220		21.902.588.392	13.399.108.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	21.804.669.037	13.262.188.860
- Nguyên giá	222		41.711.054.906	28.903.483.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.906.385.869)	(15.641.294.784)
2. Tài sản cố định vô hình	227		97.919.355	136.919.355
- Nguyên giá	228		348.117.750	348.117.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.198.395)	(211.198.395)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		200.519.442	200.519.442
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		200.519.442	200.519.442
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	4.876.952.021	4.558.574.907
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(163.047.979)	(481.425.093)
V. Tài sản dài hạn khác	260		30.599.833.293	28.653.108.978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	30.599.833.293	28.653.108.978
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.443.493.267.050	3.427.282.787.459



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.249.778.286.816	3.246.270.972.567
I. Nợ ngắn hạn	310		3.247.278.286.816	3.246.270.972.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.984.562.926.679	2.962.881.959.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	145.388.567.654	247.776.898.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.907.569.024	5.554.117.457
4. Phải trả người lao động	314		30.915.018.591	12.202.618.963
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.951.316.799	550.680.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.923.179.371	15.090.376.778
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	69.628.648.065	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.001.060.633	2.214.321.611
II. Nợ dài hạn	330		2.500.000.000	-
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.500.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.714.980.234	181.011.814.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	193.714.980.234	181.011.814.892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.303.102.810	12.857.749.788
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.411.877.424	18.154.065.104
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.553.909.060	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.857.968.364	18.154.065.104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.443.493.267.050	3.427.282.787.459

Nguyễn Thị Mai Hoa
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.279.450.306.053	1.194.292.551.091
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.198.573.710.008	1.121.658.677.224
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20		80.876.596.045	72.633.873.867
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.399.396.444	4.874.097.733
5. Chi phí tài chính	22	26	2.816.077.457	246.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.106.014.994	-
6. Chi phí bán hàng	25		16.900.818	80.919.148
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		47.920.582.035	39.426.948.332
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		31.522.432.179	37.999.857.772
9. Thu nhập khác	31		440.888.694	96.670.103
10. Chi phí khác	32		14.096.452	169.974.236
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		426.792.242	(73.304.133)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.949.224.421	37.926.553.639
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	7.091.256.057	8.388.687.957
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		24.857.968.364	29.537.865.682
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.657	1.806

Nguyễn Thị Mai Hoa
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016


Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
			(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	31.949.224.421	37.926.553.639
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.365.562.057	4.132.543.363
Các khoản dự phòng	03	(318.377.114)	(157.109.733)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.051.290.759)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(998.703.837)	(3.665.697.241)
Chi phí lãi vay	06	3.106.014.994	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	39.103.720.521	37.184.999.269
(Tăng) các khoản phải thu	09	(127.052.451.539)	(169.349.654.464)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	340.190.639.964	(1.342.742.698.170)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(61.185.858.859)	1.464.327.849.606
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.941.649.105)	1.282.042.521
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.943.700.239)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.663.029.620)	(7.257.506.032)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	179.507.671.123	(16.554.967.270)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.294.632.234)	(3.209.437.442)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	998.703.837	3.809.045.086
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(11.295.928.397)	599.607.644
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	121.521.374.974	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(51.892.726.909)	-
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(19.255.229.171)	(18.709.036.175)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	50.373.418.894	(18.709.036.175)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	218.585.161.620	(34.664.395.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	66.012.309.533	100.676.705.334
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	284.597.471.153	66.012.309.533


 Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016


 Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Minh Tuấn
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVPower”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 572 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 288).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 05, sau khi phát hành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty ký ngày 17 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được Biên bản kiểm toán ký ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh số kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Do đó, số liệu so sánh là số liệu báo cáo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã ký ngày 17 tháng 3 năm 2015 sau khi được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 01 tháng 10 năm 2015 và phân loại lại theo Thông tư 200.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

12500
NG TY
HIỆM HỮU
OITTI
T NAM
4 - TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là “phần mềm”), được phân ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH

Sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty ký ngày 17 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được Biên bản kiểm toán ký ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Tổng ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hồi tố làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014 tăng 6.518.378.786 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2014 tăng 1.434.043.333 VND.

12506
NG T
HIỆM HI
OIT
T NA
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	Điều chỉnh	31/12/2014
	(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
1. Phải thu khách hàng	199.197.975.723	5.656.543.956	204.854.519.679
2. Hàng tồn kho	2.878.468.751.131	1.208.217.733	2.879.676.968.864
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(638.534.826)	157.109.733	(481.425.093)
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.616.581.488	1.937.535.969	5.554.117.457
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.706.576.200	11.383.800.578	15.090.376.778
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.453.530.229	(6.299.465.125)	18.154.065.104

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	2014	Điều chỉnh	2014
	(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.257.624.727	5.034.926.364	1.194.292.551.091
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.121.815.604.198	(156.926.974)	1.121.658.677.224
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.442.020.529	5.191.853.338	72.633.873.867
4. Doanh thu hoạt động tài chính	3.547.572.285	1.326.525.448	4.874.097.733
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.481.478.986	6.518.378.786	37.999.857.772
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.408.174.853	6.518.378.786	37.926.553.639
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.954.644.624	1.434.043.333	8.388.687.957
8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.453.530.229	5.084.335.453	29.537.865.682

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	2014	Điều chỉnh	2014
	(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.408.174.853	6.518.378.786	37.926.553.639
Các khoản dự phòng	-	(157.109.733)	(157.109.733)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(1.051.290.759)	(1.051.290.759)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(3.547.572.285)	(118.124.956)	(3.665.697.241)
Thay đổi các khoản phải thu	(163.811.235.464)	(5.538.419.000)	(169.349.654.464)
Thay đổi hàng tồn kho	(1.341.534.480.437)	(1.208.217.733)	(1.342.742.698.170)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	1.462.773.066.211	1.554.783.395	1.464.327.849.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	314.190.630	2.491.821.422
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.283.280.523	11.371.715.294
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	52.148.772.817
	<u>284.597.471.153</u>	<u>66.012.309.533</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Phải thu các bên liên quan		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	219.376.738.444	157.201.069.284
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	76.760.198.434	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	38.809.164.052	27.386.855.113
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	25.964.040.061	16.332.001.349
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	4.981.046.774	1.202.499.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	50.954.444	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	-	421.661.907
b) Phải thu khách hàng khác		
Các khách hàng khác	3.977.534.470	2.310.432.952
	<u>369.919.676.679</u>	<u>204.854.519.679</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Sojitz Corporation	3.953.053.458	-
Trust Maritime Service Pte Ltd	3.110.639.781	-
Các đối tượng khác	72.000.000	4.773.088.057
	<u>7.135.693.239</u>	<u>4.773.088.057</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu Siemens Aktiengesellschaft (i)	87.645.380.153	-
Tạm ứng	2.182.056.562	734.327.759
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	147.447.875	5.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	445.640.205	408.323.828
	<u>90.420.524.795</u>	<u>1.148.151.587</u>
b) Dài hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	215.860.000	205.360.000
	<u>215.860.000</u>	<u>205.360.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(i) Phải thu Siemens Aktiengesellschaft phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu mà Công ty phải nộp thay cho nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 12 năm 2015, bao gồm: (1) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 là 80.943.929.849 VND (theo Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hà Nội) và (2) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu ước tính từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 là 6.701.450.304 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài nêu trên sẽ được Siemens Aktiengesellschaft thanh toán lại cho Công ty theo điều khoản của hợp đồng nên không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ này.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	485.697.780.509	-	420.551.457.142	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	91.032.600	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	2.053.788.548.391	-	2.459.034.479.122	-
	2.539.486.328.900	-	2.879.676.968.864	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 486 tỷ VND.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) với số tiền khoảng 2.001 tỷ VND.

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Chỉ tiêu	31/12/2014		Số khấu trừ, được		31/12/2015
	Phát sinh		hoàn (*)		
	trong năm	Số khấu trừ, được	trong năm	hoàn (*)	
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	223.796.002.987	207.772.680.564	338.898.921.991	92.669.761.560	

(*) Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã xác định số thuế giá trị gia tăng của Công ty được hoàn cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 234.032.520.912 VND. Số thuế giá trị gia tăng này được bù trừ với tiền thuế Công ty phải nộp thay nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 với số tiền là 206.114.955.388 VND (bao gồm thuế giá trị gia tăng nhà thầu là 125.171.025.539 VND và thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu là 80.943.929.849 VND). Theo đó, trong năm 2015, Công ty thực nhận tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 27.918.969.100 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	131.000.000	7.435.660.361	12.267.217.819	9.069.605.464	28.903.483.644
Mua sắm mới	178.000.000	11.849.774.052	893.561.818	947.706.364	13.869.042.234
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.068.337)	-	(1.035.402.635)	(1.061.470.972)
Tại ngày 31/12/2015	309.000.000	19.259.366.076	13.160.779.637	8.981.909.193	41.711.054.906
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	29.962.490	4.085.174.107	4.649.156.491	6.877.001.696	15.641.294.784
Trích khấu hao trong năm	48.350.907	2.984.383.878	1.441.094.521	852.732.751	5.326.562.057
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.068.337)	-	(1.035.402.635)	(1.061.470.972)
Tại ngày 31/12/2015	78.313.397	7.043.489.648	6.090.251.012	6.694.331.812	19.906.385.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	230.686.603	12.215.876.428	7.070.528.625	2.287.577.381	21.804.669.037
Tại ngày 31/12/2014	101.037.510	3.350.486.254	7.618.061.328	2.192.603.768	13.262.188.860

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 4.752.441.455 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.342.112.185 VND).

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản đầu tư sau:

	31/12/2015			31/12/2014 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	5.040.000.000	(163.047.979)	4.876.952.021	5.040.000.000	(481.425.093)	4.558.574.907

Do Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, Ban Giám đốc Công ty xác định và trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	26.631.064.102	27.258.908.438
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.968.769.191	1.394.200.540
	30.599.833.293	28.653.108.978

- (i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Siemens Aktiengesellschaft (i)	2.921.069.814.193	2.921.069.814.193	2.957.096.351.144	2.957.096.351.144
Công ty TNHH Alstom Việt Nam	20.453.896.218	20.453.896.218	1.330.446.102	1.330.446.102
Các nhà cung cấp khác	43.039.216.268	43.039.216.268	4.455.161.974	4.455.161.974
	2.984.562.926.679	2.984.562.926.679	2.962.881.959.220	2.962.881.959.220

- (i) Công ty ghi nhận công nợ phải trả với Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

Số dư công nợ phải trả và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	144.260.091.974	163.728.626.749
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	42.847.144	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	56.518.020.259
b) Khách hàng khác		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	26.965.117.323
Các khách hàng khác	1.085.628.536	565.133.934
	145.388.567.654	247.776.898.265

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	(Trình bày lại)	Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (tại Văn phòng Hà Nội)	-	-	1.468.057.576	1.468.057.576
Cộng	-	-	1.468.057.576	1.468.057.576
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	842.586.508	201.220.508.648	201.605.570.242	457.524.914
- Thuế GTGT đầu ra	842.586.508	25.297.932.966	25.682.994.560	457.524.914
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	40.388.482.664	40.388.482.664	-
- Thuế GTGT nhà thầu	-	135.534.093.018	135.534.093.018	-
Thuế nhập khẩu	-	9.435.828.030	9.435.828.030	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.306.141.951	7.091.256.057	6.663.029.620	4.734.368.388
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	405.388.998	2.996.311.445	2.686.024.721	715.675.722
Thuế khác	-	17.180.709.997	17.180.709.997	-
Cộng	5.554.117.457	237.931.614.177	237.578.162.610	5.907.569.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước cho dịch vụ do Công ty thực hiện	665.745.269	-
Chi phí phải trả khác	2.285.571.530	550.680.273
	<u>2.951.316.799</u>	<u>550.680.273</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Cổ tức phải trả	1.945.162.499	11.740.941.670
Phải trả ngắn hạn khác	3.978.016.872	3.349.435.108
	<u>5.923.179.371</u>	<u>15.090.376.778</u>

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (i)	-	-	112.779.177.848	51.892.726.909	60.886.450.939	60.886.450.939
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (ii)	-	-	8.742.197.126	-	8.742.197.126	8.742.197.126
	-	-	<u>121.521.374.974</u>	<u>51.892.726.909</u>	<u>69.628.648.065</u>	<u>69.628.648.065</u>

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Hợp đồng cấp tín dụng số MMD2015-57/HĐCTD ngày 19 tháng 5 năm 2015 giữa Công ty và Techcombank. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 180.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,7%/năm tùy thuộc vào từng kế ước nhận nợ.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 184/HDHM-PN/SHB.110100 ngày 07 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty và SHB. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 300.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	7.411.761.952	3.479.620.358	23.295.963.864	184.187.346.174
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.537.865.682	29.537.865.682
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	1.164.798.194	801.569.284	(4.545.963.864)	(2.579.596.386)
Chia cổ tức năm 2014 cho PVPower theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước (i)	-	-	-	(11.383.800.578)	(11.383.800.578)
Số dư tại ngày 31/12/2014	150.000.000.000	8.576.560.146	4.281.189.642	18.154.065.104	181.011.814.892
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	4.281.189.642	(4.281.189.642)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	150.000.000.000	12.857.749.788	-	18.154.065.104	181.011.814.892
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.857.968.364	24.857.968.364
Chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông khác (ii)	-	-	-	(9.459.450.000)	(9.459.450.000)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	2.445.353.022	-	(5.140.706.044)	(2.695.353.022)
Số dư tại ngày 31/12/2015	150.000.000.000	15.303.102.810	-	28.411.877.424	193.714.980.234

(i) Theo Biên bản kiểm toán ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã điều chỉnh hồi tố việc chia cổ tức năm 2014 cho PVPower (Công ty mẹ của Công ty).

(ii) Theo Nghị quyết số 97/NQ/ĐHCD-DKVT ngày 15 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.222.676.511 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, số dư quỹ dự phòng tài chính đã được phân loại sang số dư quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200 nên Công ty trích số tiền này vào quỹ đầu tư phát triển trong năm 2015);
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.222.676.511 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.445.353.022 VND;
- Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành: 250.000.000 VND;
- Chia cổ tức: 19.305.000.000 VND. (Công ty đã điều chỉnh việc chia cổ tức cho PVPower trong năm 2014 với số tiền là 11.383.800.578 VND nên số cổ tức chia cho các cổ đông khác trong năm 2015 là 9.459.450.000 VND)

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	429,75	106,19
Euro (EUR)	4.901,39	9.528,36

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 (Trình bày lại) VND
a) Doanh thu		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM (i)	942.315.254.058	1.019.595.177.156
Doanh thu hàng thực thanh thực chi	12.114.487.206	24.612.850.536
Doanh thu Công ty tự thực hiện	325.020.564.789	150.084.523.399
	1.279.450.306.053	1.194.292.551.091
Trong đó:		
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	700.764.948.846	709.939.026.665
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	341.324.572.554	441.509.606.377
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	82.293.684.300	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	52.548.714.180	30.189.967.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	10.176.953.307	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	926.444.436	-
	1.188.035.317.623	1.181.638.600.729

(i) Đối với các dịch vụ và hàng hóa này, Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện.

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lãi tiền gửi	998.703.837	3.665.697.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	400.692.607	1.051.290.795
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	157.109.697
	1.399.396.444	4.874.097.733

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.106.014.994	-
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(318.377.114)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.439.577	246.348
	2.816.077.457	246.348

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	432.522.451.830	1.709.774.007.032
Chi phí nhân công	147.133.822.153	85.282.271.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.365.562.057	4.132.543.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.742.554.536	485.358.502.642
Chi phí bằng tiền khác	44.500.871.554	6.957.317.835
	841.265.262.130	2.291.504.642.152

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.978.203.138	8.388.687.957
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	113.052.919	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.091.256.057	8.388.687.957



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	31.949.224.421	37.926.553.639
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Chi phí năm trước trích thừa đã nộp thuế bổ sung</i>	<i>(387.419.919)</i>	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>157.300.669</i>	<i>203.846.166</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.719.105.171	38.130.399.805
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.978.203.138	8.388.687.957

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	24.857.968.364	29.537.865.682
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(2.445.353.022)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	24.857.968.364	27.092.512.660
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.657	1.806

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/TT-BTC. Ngoài ra, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	69.628.648.065	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	284.597.471.153	66.012.309.533
Nợ thuần	(214.968.823.088)	(66.012.309.533)
Vốn chủ sở hữu	193.714.980.234	181.011.814.892
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.597.471.153	66.012.309.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	458.374.004.912	205.473.703.507
Đầu tư tài chính	4.876.952.021	4.558.574.907
Tổng cộng	747.848.428.086	276.044.587.947
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.196.310.198	18.892.004.780
Các khoản vay	69.628.648.065	-
Chi phí phải trả	2.951.316.799	550.680.273
Tổng cộng	139.776.275.062	19.442.685.053

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đánh giá rủi ro tỷ giá có khả năng phát sinh là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.597.471.153	-	284.597.471.153
Phải thu khách hàng và phải thu khác	458.158.144.912	215.860.000	458.374.004.912
Đầu tư tài chính	-	4.876.952.021	4.876.952.021
Tổng cộng	742.755.616.065	5.092.812.021	747.848.428.086
Phải trả người bán và phải trả khác	67.196.310.198	-	67.196.310.198
Các khoản vay	69.628.648.065	-	69.628.648.065
Chi phí phải trả	2.951.316.799	-	2.951.316.799
Tổng cộng	139.776.275.062	-	139.776.275.062
Chênh lệch thanh khoản thuần	602.979.341.003	5.092.812.021	608.072.153.024

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.012.309.533	-	66.012.309.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	205.268.343.507	205.360.000	205.473.703.507
Đầu tư tài chính	-	4.558.574.907	4.558.574.907
Tổng cộng	271.280.653.040	4.763.934.907	276.044.587.947
Phải trả người bán và phải trả khác	18.892.004.780	-	18.892.004.780
Chi phí phải trả	550.680.273	-	550.680.273
Tổng cộng	19.442.685.053	-	19.442.685.053
Chênh lệch thanh khoản thuần	251.837.967.987	4.763.934.907	256.601.902.894

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:***

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	700.764.948.846	709.939.026.665
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	341.324.572.554	441.509.606.377
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	82.293.684.300	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	52.548.714.180	30.189.967.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	10.176.953.307	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	926.444.436	-
Trả cổ tức cho cổ đông		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9.845.550.000	9.562.500.000
Các cổ đông khác	9.409.679.171	9.146.536.175
Phí quản lý		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	255.747.205	214.000.000
Phí quản lý nhà điều hành tại Cà Mau		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	333.125.000	-
Tiền điện, tiền thu nhà tại Nhơn Trạch		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	174.861.382	196.869.786
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.505.449.135	3.860.574.833

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	219.376.738.444	157.201.069.284
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	76.760.198.434	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	38.809.164.052	27.386.855.113
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	25.964.040.061	16.332.001.349
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	4.981.046.774	1.202.499.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	50.954.444	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	-	421.661.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.595.720.458	11.383.800.578
Các cổ đông khác	349.442.041	357.141.092
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	144.260.091.974	163.728.626.749
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	42.847.144	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	56.518.020.259

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của báo cáo năm trước được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 01 tháng 10 năm 2015 về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã ký ngày 17 tháng 3 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 5.

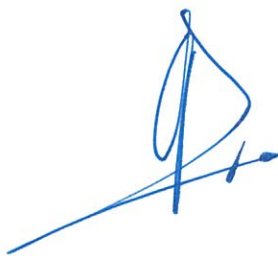
Một số số liệu sau khi điều chỉnh hồi tố của năm trước được phân loại lại theo Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
		VND			VND	
Bảng cân đối kế toán						
1. Các khoản phải thu khác	135	408.323.828	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.148.151.587	Đổi tên và đổi mã số
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	739.827.759	2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
3. Phải thu dài hạn khác	216	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	205.360.000	Phân loại lại
4. Tài sản dài hạn khác	268	205.360.000	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	8.576.560.146	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	12.857.749.788	Phân loại lại
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.281.189.642	Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Phân loại lại



Nguyễn Thị Mai Hoa
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Tuấn
Giám đốc